

Số: 63/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 12 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 tỉnh Nghệ An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 35

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Trên cơ sở xem xét các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, các cơ quan của Hội đồng nhân dân tỉnh, cơ quan hữu quan; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 tỉnh Nghệ An với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu đến năm 2030, Nghệ An trở thành tỉnh khá của cả nước, cực tăng trưởng tầm quốc gia; là trung tâm của khu vực Bắc Trung Bộ về công nghiệp và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, thương mại, logistics, du lịch; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe Nhân dân không ngừng được nâng cao; giá trị hệ sinh thái rừng, biển, đảo, văn hóa, lịch sử và truyền thống, nhất là văn hóa xứ Nghệ được bảo tồn và phát huy; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biên giới, biển, đảo được giữ vững. Tầm nhìn đến năm 2045, Nghệ An trở thành tỉnh có thu nhập cao, phát triển toàn diện, văn minh, hiện đại.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

2.1. Chỉ tiêu về kinh tế

(1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt 12% trở lên.

(2) Cơ cấu GRDP: nông, lâm, ngư nghiệp 13 - 13,5%; công nghiệp và xây dựng 41 - 41,5%; dịch vụ 40 - 40,5%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 4,5 - 5%.

(3) GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 165 - 190 triệu đồng.

- (4) Kim ngạch xuất khẩu đạt 9 tỷ USD.
- (5) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh tăng bình quân 12% năm.
- (6) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2026 - 2030 đạt khoảng 1.150 nghìn tỷ đồng.
- (7) Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đạt 25 - 30 %.
- (8) Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP đạt 57,3 %.
- (9) Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt 55%.
- (10) Số doanh nghiệp hoạt động khoảng 30 - 32 nghìn doanh nghiệp.

2.2. Chỉ tiêu về văn hóa xã hội

- (11) Dân số trung bình khoảng 3.657 nghìn người.
- (12) Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt 75 - 75,5 tuổi.
- (13) Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,78.
- (14) Số lao động có việc làm trong nền kinh tế 1.652 nghìn người.
- (15) Tỷ trọng lao động có việc làm trong nền kinh tế đạt 100%.
- (16) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt 77%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ 38%.
- (17) Tỷ lệ thất nghiệp dưới 2,5%/năm.
- (18) Tốc độ tăng năng suất lao động (giá so sánh) giai đoạn 2026 - 2030 đạt 10 - 11%.
- (19) Số bác sỹ bình quân trên 10.000 dân đạt 17 người.
- (20) Số giường bệnh trên 10.000 dân đạt hơn 50 giường.
- (21) Bảo hiểm xã hội:
 - Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt hơn 97,5%.
 - Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt 42%.
- (22) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 85,19%.
- (23) Tỷ lệ nghèo đa chiều giảm 0,5 - 1,5% %/năm.
- (24) Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng đạt 8.179 nghìn đồng.
- (25) Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt 60%.
- (26) Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 65%, trong đó nông thôn mới hiện đại đạt 10%;
- (27) Xây dựng nhà ở xã hội giai đoạn 2026 - 2030 đạt 25.500 căn hộ.

2.3. Chỉ tiêu về môi trường

(28) Tỷ lệ che phủ rừng 58%.

(29) Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 99%.

(30) Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%.

(31) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 97%.

(32) Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

2.4. Chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh

(33) Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự hằng năm đạt >80%.

(34) Tỷ lệ đơn vị cấp xã sạch về ma túy đạt 58%.

3. Nhiệm vụ, giải pháp lớn của kế hoạch 5 năm 2021 - 2025

3.1. Tiếp tục phát huy tinh thần trách nhiệm, đổi mới, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; tập trung thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030

Phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất; năng động, đổi mới, linh hoạt, sáng tạo, sâu sát, kịp thời, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm trong công tác chỉ đạo, điều hành; chủ động tổ chức thực hiện các nhiệm vụ với quyết tâm, nỗ lực cao hơn, hiệu quả hơn; chấp hành nghiêm quy chế làm việc, thực hiện tốt cơ chế thông tin, trao đổi, phối hợp để xử lý hiệu quả các vấn đề đặt ra trong thực tiễn, tạo sự đồng thuận trong hệ thống chính trị, sự ủng hộ của nhân dân. Kịp thời sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương về quản lý kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; gỡ bỏ các nút thắt, rào cản gây khó khăn cho sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội; khơi thông và huy động tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển; tiếp tục thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An.

Tập trung xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các chương trình hành động, kế hoạch công tác và các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX gắn với triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV và các Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị: Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 70-NQ/TW về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và Nghị quyết số 72-NQ/TW về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân và các nghị

quyết chuyên đề trọng tâm khác.

3.2. Đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiện đại, bền vững, nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh

Tập trung đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiện đại, có chiều sâu, bền vững và khả năng thích ứng cao, trong đó: (i) Công nghiệp là động lực đột phá, trọng tâm là công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp hỗ trợ; (ii) Thương mại, dịch vụ hiện đại là mũi nhọn, trọng tâm là dịch vụ logistics, tài chính - ngân hàng, du lịch, giáo dục và đào tạo, y tế chất lượng cao; (iii) Nông nghiệp là nền tảng, trọng tâm là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chuỗi giá trị; (iv) Kinh tế biển, gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

Tập trung thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia; nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, an toàn, minh bạch; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, làm giàu chính đáng; xây dựng đội ngũ doanh nhân Nghệ An phát triển toàn diện, có năng lực quản trị hiện đại và khả năng cạnh tranh trong nước và quốc tế. Hỗ trợ phát triển một số doanh nghiệp tư nhân lớn đóng vai trò dẫn dắt và lan tỏa trong hệ sinh thái doanh nghiệp địa phương.

Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư theo hướng chọn lọc, bền vững; ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ cao, đóng góp lớn cho ngân sách, có cam kết chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Tăng cường liên kết giữa khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) với doanh nghiệp trong tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ, chuyển giao công nghệ và đào tạo nhân lực. Đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ công. Đổi mới, nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác hoạt động hiệu quả; tăng cường năng lực quản trị và đổi mới phương thức sản xuất kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển bền vững, nhất là lĩnh vực nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

Cơ cấu lại thu ngân sách theo hướng bền vững, tăng thu từ khu vực sản xuất - kinh doanh, giảm dần tỷ trọng thu từ tài nguyên, đất đai; từng bước bảo đảm cân đối thu - chi ngân sách địa phương. Siết chặt kỷ luật tài chính - ngân sách; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển. Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý đầu tư công theo hướng tập trung, trọng điểm; ưu tiên đầu tư các công trình, dự án có sức lan tỏa, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

3.3. Phát triển đồng bộ và bền vững các trụ cột kinh tế: công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ và kinh tế biển; thúc đẩy chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh

a) Phát triển công nghiệp, xây dựng theo hướng hiện đại, xanh, bền vững và có giá trị gia tăng cao

Tập trung cơ cấu lại ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, phát triển nhanh và bền vững; ứng dụng công nghệ cao, công nghệ xanh, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp sử dụng công nghệ mới, có khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, tạo giá trị gia tăng lớn và lan tỏa đến các ngành kinh tế khác.

Phát triển các ngành có lợi thế, nhất là chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với vùng nguyên liệu và nông nghiệp công nghệ cao; chế biến dược liệu; khai thác và chế biến sâu khoáng sản. Phát triển gắn với vùng nguyên liệu tập trung và chuỗi giá trị khép kín. Khuyến khích ứng dụng công nghệ chế biến sâu, bảo quản sau thu hoạch, nâng cao giá trị sản phẩm và năng lực cạnh tranh xuất khẩu.

Phát triển có trọng tâm, trọng điểm một số ngành công nghiệp nền tảng, gồm: Công nghiệp năng lượng, trọng tâm là năng lượng tái tạo; cơ khí chế tạo máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng; sản xuất và lắp ráp ô tô, máy nông nghiệp, thiết bị xây dựng; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng mới

Phát triển hợp lý các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động tại khu vực trung du, miền núi, như dệt may, da giày, gắn với đổi mới công nghệ, tập trung vào các khâu tạo giá trị gia tăng cao.

Có cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp môi trường, công nghiệp hỗ trợ, đẩy mạnh hoạt động khuyến công, hỗ trợ phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề nông thôn, nhất là các ngành nghề có thương hiệu, thị trường ổn định và gắn với giá trị văn hóa truyền thống.

Sắp xếp hợp lý không gian phát triển công nghiệp, gắn với hành lang kinh tế và vùng sản xuất công nghiệp. Tập trung phát triển Khu kinh tế Đông Nam mở rộng và các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch. Thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, gắn kết thuận lợi với hệ thống giao thông. Phát triển hạ tầng xã hội tại các khu công nghiệp tập trung đông lao động (nhà ở công nhân, chợ, siêu thị, nhà trẻ, trường học, cơ sở y tế, khu vui chơi,...).

Nâng cao năng lực ngành xây dựng đáp ứng yêu cầu thiết kế, thi công, quản lý các công trình có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, kỹ thuật phức tạp. Khuyến khích phát triển sản xuất các loại vật liệu xây dựng mới, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường và phù hợp tiêu chuẩn xanh.

b) Phát triển nông nghiệp xanh, thông minh, sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao giá trị và liên kết trong chuỗi sản phẩm

Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình hành động số 49-CTr/TU ngày 13/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững, sinh thái, tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu. Trọng tâm là nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng; tăng cường liên kết chuỗi, ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ giới hóa, chuyển đổi số trong toàn bộ quy trình sản xuất. Điều chỉnh không gian sản xuất, phân vùng hợp lý giữa trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản phù hợp lợi thế từng vùng và nhu cầu thị trường. Tái cơ cấu ngành theo hướng kinh tế tuần hoàn, đa giá trị; mở rộng vùng hàng hóa tập trung, áp dụng quy trình sản xuất an toàn, đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và quốc tế.

Tổ chức lại sản xuất dựa trên hợp tác và liên kết chuỗi giá trị, lấy hợp tác xã làm nòng cốt, phát triển doanh nghiệp nông nghiệp, kinh tế trang trại. Hình thành vùng chuyên canh quy mô lớn gắn với sản phẩm chủ lực như lúa gạo, cây nguyên liệu chế biến, rau quả, chăn nuôi trâu, bò, gia cầm; bảo tồn và phát triển vật nuôi bản địa, đặc sản giá trị cao. Liên kết sản xuất với chế biến sâu, xây dựng thương hiệu, phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Ban hành cơ chế, chính sách đủ mạnh để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, hỗ trợ hợp tác xã, phát triển công nghiệp chế biến. Phát triển nông nghiệp hữu cơ, xanh, sạch, tuần hoàn, tạo sản phẩm đạt chuẩn quốc gia và quốc tế.

Phát triển lâm nghiệp bền vững, bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng, tự nhiên; mở rộng rừng trồng gỗ lớn gắn với chứng chỉ quản lý bền vững, hình thành vùng nguyên liệu ổn định cho chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ; mở rộng sản xuất cây dược liệu, lâm sản ngoài gỗ. Phát triển dịch vụ môi trường rừng, gắn với thị trường tín chỉ các-bon, tạo thêm sinh kế cho đồng bào miền núi. Triển khai hiệu quả Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao Bắc Trung Bộ.

Phát triển thủy sản hiệu quả, bền vững; mở rộng nuôi thâm canh các loài giá trị cao như tôm, cá, nhuyễn thể. Hiện đại hóa đội tàu khai thác xa bờ, gắn khai thác với bảo vệ nguồn lợi và tuân thủ nghiêm quy định chống khai thác hải sản bất hợp pháp không báo cáo, không theo quy định (IUU).

c) Đẩy mạnh phát triển khu vực dịch vụ theo hướng hiện đại, chất lượng cao, bền vững; thúc đẩy chuyển đổi số, nâng cao năng lực cạnh tranh, hình thành các ngành dịch vụ mũi nhọn

Tập trung phát triển khu vực dịch vụ theo hướng hiện đại, bền vững, đa dạng loại hình và chất lượng cao. Mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của các ngành dịch vụ, ưu tiên phát triển các ngành có lợi thế. Đẩy mạnh xã hội hóa trong phát triển dịch vụ văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao và việc làm. Phát triển mạnh thương mại điện tử, gắn với hạ tầng số và hệ thống thanh toán thông minh. Chú trọng xây dựng, quảng bá thương hiệu hàng hóa

Nghệ An, phát triển các mặt hàng xuất khẩu chủ lực, nâng tỷ trọng sản phẩm chế biến, giá trị gia tăng cao. Nghiên cứu xây dựng các chính sách hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại và phát triển xuất khẩu. Rà soát, phát triển mạng lưới chợ, siêu thị và trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh phù hợp với sắp xếp lại đơn vị hành chính và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Phát triển dịch vụ logistics theo hướng hiện đại, trở thành ngành chủ lực; hình thành trung tâm logistics vùng tại Khu kinh tế Đông Nam, kết nối cảng biển, cửa khẩu, khu công nghiệp và các đô thị lớn. Xây dựng, nâng cấp hệ thống kho bãi, dịch vụ hậu cần, bảo quản hàng hóa hiện đại, ưu tiên các khu vực gần với đô thị và khu công nghiệp trọng điểm. Thu hút các nhà đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thương mại biên giới, khu thương mại cửa khẩu Thanh Thủy, Nậm Cắn.

Phát triển dịch vụ tài chính - ngân hàng theo mô hình số; đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ tài chính (fintech), thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, phấn đấu đến năm 2030 trên 95% giao dịch qua phương thức điện tử. Phát triển dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, bưu chính trên nền tảng chuyển đổi số, hình thành hạ tầng dữ liệu và nền tảng số đồng bộ, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, phục vụ hiệu quả người dân và doanh nghiệp.

Phát triển du lịch theo hướng bền vững, chuyên nghiệp, chất lượng cao; phấn đấu đến năm 2030 cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đưa Nghệ An trở thành trung tâm du lịch vùng Bắc Trung Bộ và điểm đến hấp dẫn của cả nước, khu vực Đông Nam Á. Tập trung xây dựng các sản phẩm du lịch đặc thù gắn với tiềm năng, lợi thế của tỉnh như: nghỉ dưỡng biển đảo, du lịch văn hóa - lịch sử, trải nghiệm không gian sông Lam và dân ca Ví, Giặm, du lịch sinh thái, cộng đồng, thể thao mạo hiểm miền núi. Triển khai quy hoạch, thu hút đầu tư xây dựng Khu du lịch quốc gia Kim Liên thành sản phẩm du lịch mang tầm quốc gia, thể hiện giá trị văn hóa - lịch sử đặc sắc, mang đậm bản sắc xứ Nghệ. Hoàn thiện hạ tầng và dịch vụ du lịch; sắp xếp, quy hoạch lại các điểm dịch vụ; đầu tư nâng cấp các bảo tàng, khu di tích, đặc biệt là Bảo tàng Nghệ An - Xô Viết Nghệ Tĩnh và Bảo tàng Quân khu 4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, tổ chức các show diễn thực cảnh vào cuối tuần, tạo sản phẩm trải nghiệm mới thu hút du khách.

Nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến, quảng bá du lịch; mở rộng thị trường khách trong nước và quốc tế, nhất là các thị trường tiềm năng, như Lào, Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan... Gắn hoạt động xúc tiến du lịch với xúc tiến đầu tư, thương mại, đối ngoại nhằm quảng bá hình ảnh và sản phẩm du lịch Nghệ An. Phát triển đa dạng các loại hình du lịch sinh thái, khám phá, cộng đồng, thám hiểm; đồng thời mở rộng các sản phẩm du lịch mới như MICE, Golf, du lịch đô thị, mua sắm, giải trí để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách.

Tổ chức thường xuyên các sự kiện du lịch, văn hóa quy mô lớn mang tầm vùng và quốc gia như Festival Du lịch Cửa Lò, Tuần Văn hóa - Du lịch Nghệ An, Ngày hội Văn hóa các dân tộc, Festival Âm thực - Lễ hội bia... tiến tới đăng cai tổ chức Năm Du lịch quốc gia tại Nghệ An. Tiếp tục tổ chức các đoàn Famtrip, Presstrip khảo sát, trải nghiệm nhằm kết nối thị trường và quảng bá hình ảnh du lịch Nghệ An đến bạn bè trong nước và quốc tế.

d) Phát triển kinh tế biển bền vững, toàn diện, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Phát triển kinh tế biển theo hướng hiện đại, bền vững trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn hệ sinh thái biển và đa dạng sinh học; gắn với gìn giữ giá trị truyền thống, phát huy bản sắc văn hóa biển, xây dựng cộng đồng ven biển phát triển hài hòa, gắn kết, thân thiện với biển; bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo.

Tăng cường liên kết giữa các ngành, lĩnh vực kinh tế biển; khai thác hiệu quả tiềm năng và lợi thế vùng ven biển; phấn đấu đưa Nghệ An trở thành địa phương mạnh về kinh tế biển của khu vực Bắc Trung Bộ. Phát triển các ngành kinh tế biển trọng điểm theo hướng hiệu quả, bền vững, có giá trị gia tăng cao, như: Phát triển mạnh dịch vụ vận tải biển, kho bãi, logistics đa dạng, hiện đại, từng bước trở thành ngành dịch vụ chủ lực vùng ven biển. Phát triển du lịch biển theo hướng chuyên nghiệp, thân thiện với môi trường, gắn với các giá trị văn hóa và cảnh quan tự nhiên. Phát triển nghề cá xa bờ và nuôi trồng thủy sản ven biển, tập trung vào các sản phẩm có giá trị kinh tế cao phục vụ chế biến sâu và xuất khẩu. Phát triển năng lượng tái tạo vùng ven biển, nhất là điện gió, điện mặt trời phù hợp điều kiện thực tế và quy hoạch sử dụng không gian biển của tỉnh. Nghiên cứu và phát triển một số ngành kinh tế biển mới, như: khai thác và chế biến dược liệu biển, nuôi trồng và chế biến rong, tảo, cỏ biển.

Hoàn thành đầu tư Cảng biển nước sâu Cửa Lò, các cảng biển tổng hợp; tập trung phát triển khu bến Đông Hồi kết nối với khu bến Nam Nghi Sơn, hình thành cụm cảng liên vùng Nghi Sơn - Đông Hồi, tạo động lực thu hút đầu tư và mở rộng liên kết kinh tế vùng. Phát triển các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, dịch vụ logistics, đô thị và du lịch biển theo hướng tiếp cận sinh thái, hiện đại, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật - xã hội, có sức hấp dẫn cao đối với các nhà đầu tư chiến lược trong nước và quốc tế.

3.4. Phát triển các vùng kinh tế, hành lang kinh tế, đô thị, khu vực nông thôn và phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng liên kết, hiện đại, bền vững

a) Hoàn thiện công tác quy hoạch; phát triển các khu vực trọng điểm, các hành lang kinh tế và hệ thống đô thị

Triển khai rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch có liên quan bảo đảm đồng bộ, thống nhất với hệ thống quy hoạch quốc gia, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp và yêu cầu thực tiễn phát triển trong bối cảnh mới.

Tập trung phát triển các đô thị khu vực Vinh - Cửa Lò theo hướng đa trung tâm, hiện đại, thông minh, xanh, sạch, đẹp, an toàn; trở thành cực tăng trưởng mạnh của tỉnh và trung tâm vùng Bắc Trung Bộ về giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thương mại, dịch vụ, du lịch, logistics, công nghiệp công nghệ cao. Tập trung phát triển Khu kinh tế Đông Nam mở rộng trở thành khu vực động lực tăng trưởng của tỉnh, trọng tâm hình thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ, logistic gắn với hành lang kinh tế phía Đông theo định hướng tại Nghị quyết số 39-NQ/TW; phân đầu thành lập mới 8 - 10 khu công nghiệp với diện tích khoảng 2.800 - 3.000ha. Tập trung huy động và ưu tiên nguồn lực để đầu tư đồng bộ, hiện đại, hoàn chỉnh các công trình hạ tầng thiết yếu trong Khu kinh tế Đông Nam và các khu công nghiệp tập trung. Phát triển toàn diện, bền vững khu vực miền Tây, khai thác hiệu quả các tiềm năng, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa và bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái.

Phát triển các hành lang kinh tế chiến lược, mở rộng không gian phát triển, tăng cường liên kết vùng, gồm: Hành lang kinh tế ven biển gắn với quốc lộ 1, đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đường ven biển, đường sắt Bắc - Nam và đường sắt tốc độ cao; hành lang kinh tế dọc tuyến đường Hồ Chí Minh; hành lang kinh tế quốc lộ 7A kết nối với cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn và hành lang kinh tế quốc lộ 48A.

Thực hiện hiệu quả chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh. Xây dựng hệ thống đô thị thông minh, hiện đại, xanh, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Hoàn thành các quy hoạch đô thị; xây dựng chương trình phát triển hạ tầng kỹ thuật khung; phát triển hạ tầng số, hạ tầng xanh, sử dụng vật liệu xanh; triển khai mô hình đô thị định hướng giao thông công cộng (TOD), có giải pháp khuyến khích người dân chuyển đổi phương tiện giao thông thân thiện với môi trường. Nâng cao chất lượng sống đô thị, đáp ứng nhu cầu về nhà ở, nước sạch, môi trường, hạ tầng xã hội.

Hình thành cơ chế điều phối phát triển hệ thống đô thị, các tiểu vùng và cụm liên xã. Tỉnh giữ vai trò chỉ đạo, điều phối chung, bảo đảm định hướng thống nhất và sử dụng hiệu quả nguồn lực. Các phường, xã trung tâm làm đầu mối, chủ trì phối hợp với các địa phương liên quan triển khai các nhiệm vụ cụ thể, như: tổ chức quy hoạch không gian và phân khu chức năng; phát triển kết cấu hạ tầng; quản lý các dịch vụ công; bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên; thúc đẩy liên kết phát triển.

b) Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, phát triển các trung tâm cụm xã gắn với phát triển kinh tế - xã hội nông thôn

Xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại, phát triển toàn diện, bền vững, gắn với đô thị hóa và giữ gìn bản sắc văn hóa. Nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, cấp thôn - bản. Phát triển nông thôn hiện đại gắn với tăng thu nhập, giảm nghèo, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, nhân rộng mô hình hợp tác xã, làng nghề sản xuất hàng hóa chất lượng cao. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn sản xuất nông nghiệp với du lịch, thương mại và giáo dục trải nghiệm. Nâng cao chất lượng, quy mô sản phẩm OCOP, phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ quy mô lớn. Đổi mới tổ chức sản xuất, nâng cao hiệu quả hợp tác xã. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân; nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề, năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ; xây dựng người nông dân phát triển toàn diện, có tri thức, văn minh, đổi mới, sáng tạo, hội nhập, có ý thức bảo vệ môi trường và đóng vai trò trung tâm trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nông thôn.

Rà soát, xác định các trung tâm cụm xã có vị trí thuận lợi, hình thành hạt nhân liên kết vùng nông thôn. Ưu tiên đầu tư hạ tầng thiết yếu, trường học, trạm y tế, chợ, điểm dịch vụ công tại trung tâm cụm xã. Phát triển mô hình liên kết kinh tế - xã hội theo cụm xã, gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

c) Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu

Tiếp tục triển khai mạnh mẽ đột phá về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, tạo nền tảng thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững. Tập trung huy động, đa dạng hóa và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư, nhất là xã hội hóa, hợp tác công - tư. Đẩy nhanh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số vào quản lý, khai thác, vận hành các công trình hạ tầng.

Ưu tiên đầu tư các dự án hạ tầng giao thông có tính kết nối, lan tỏa cao, bảo đảm liên kết giữa các phương thức vận tải, đặc biệt là các trục chiến lược kết nối vùng đồng bằng, ven biển với khu vực miền Tây, trọng tâm là quốc lộ 7A và quốc lộ 48A. Nâng cấp các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường liên xã và xây dựng cầu lớn qua sông, hoàn thiện mạng lưới giao thông liên vùng. Đẩy nhanh hoàn thiện thủ tục, thu hút đầu tư các cảng biển chiến lược theo quy hoạch; nâng cấp Cảng hàng không quốc tế Vinh đạt tiêu chuẩn sân bay cấp 4E. Phối hợp triển khai thực hiện đúng tiến độ các dự án giao thông trọng điểm quốc gia đoạn qua địa bàn tỉnh. Tập trung chỉ đạo triển khai các dự án trọng điểm bảo đảm tiến độ đề ra, như: Dự án mở rộng quốc lộ 46 đoạn Vinh - Nam Đàn, Cải tạo, nâng cấp ĐT.532 đoạn Km0 - Km28, các dự án hạ tầng khu công nghiệp (Thọ Lộc, VSIP 3, WHA 1,2, Hoàng Mai 1,2...), đề án mở rộng khu kinh tế Đông Nam; đẩy nhanh tiến độ sớm hoàn thành dự án cảng nước sâu Cửa Lò, cao tốc Vinh - Thanh Thủy, các khu tái định cư phục vụ tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam.

Tiếp tục triển khai dự án LNG Quỳnh Lập và các dự án nguồn, lưới điện theo Quy hoạch điện VIII và Quy hoạch tỉnh. Đảm bảo cung cấp điện kịp thời, đáp ứng nhu cầu phát triển các khu công nghiệp, dự án trọng điểm và nhu cầu dân sinh. Đầu tư cải tạo, nâng cấp lưới điện hạ thế nông thôn, từng bước hoàn thiện hệ thống, nâng cao chất lượng điện năng; hoàn thành cấp điện cho 21 thôn, bản và đảo Mất chưa có điện.

Phát triển hệ thống thủy lợi đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước cho sản xuất, sinh hoạt và phòng, chống thiên tai. Tập trung đầu tư các công trình quan trọng như Đập sông Lam, Hồ Bản Mòng (giai đoạn 2), hệ thống thủy lợi Nam và đê sông Cả; xây dựng mới, nâng cấp hồ đập, trạm bơm, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão; xây dựng, cải tạo công trình cấp nước sinh hoạt tập trung.

Ưu tiên phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông hiện đại, đồng bộ, phục vụ chuyển đổi số toàn diện trong các ngành, lĩnh vực. Nâng cấp hạ tầng năng lượng, hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải phù hợp với quy hoạch. Tập trung đầu tư hệ thống hạ tầng xã hội về giáo dục, y tế, khoa học công nghệ, văn hóa, thể thao, dạy nghề và an sinh xã hội. Đẩy mạnh xây dựng nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp¹.

3.5. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững

Tập trung triển khai hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành một trong những đột phá chiến lược, động lực, nền tảng cho tăng trưởng nhanh và bền vững của tỉnh. Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường thuận lợi thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong doanh nghiệp, cơ sở sản xuất - kinh doanh; ưu tiên các nhiệm vụ khoa học, công nghệ trọng tâm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các ngành, lĩnh vực.

Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng và tiếp nhận, chuyển giao công nghệ, nâng cao hiệu suất công nghệ, thương mại hóa sản phẩm, quy trình sản xuất, kinh doanh mới hoặc cải tiến đối với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù có lợi thế cạnh tranh, góp phần nâng cao giá trị gia tăng. Tăng đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phân bổ nguồn lực nghiên cứu, ứng dụng theo hướng hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm. Xây dựng và thực hiện các chính sách đãi ngộ vượt trội đối với đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, chuyên gia đầu ngành trong và ngoài tỉnh.

Phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại các khu, cụm công nghiệp trọng điểm; từng bước xây dựng Nghệ An trở thành trung tâm

¹ Phần đầu đáp ứng khoảng 35 - 40% nhà ở, nhà lưu trú cho công nhân làm việc tại khu kinh tế, khu công nghiệp.

đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ của khu vực Bắc Trung Bộ. Hình thành các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, không gian sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thúc đẩy phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, thương mại hóa sản phẩm, gắn kết với các sản phẩm dịch vụ công nghệ, mạng lưới đổi mới sáng tạo trong nước và quốc tế. Tập trung chỉ đạo triển khai các ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với những lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Mở rộng hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, trung tâm khoa học và công nghệ, tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ lớn trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

Tập trung chuyển đổi số toàn diện trên các lĩnh vực quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội. Hoàn thiện nền tảng dữ liệu số cấp tỉnh, phát triển hạ tầng số hiện đại, kết nối đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia. Thúc đẩy số hóa hồ sơ, thủ tục hành chính, phát triển các nền tảng số dùng chung, trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Phát triển xã hội số gắn với xây dựng công dân số. Đẩy mạnh phổ cập kỹ năng số cơ bản, nâng cao năng lực số cho cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất chuyển đổi mô hình hoạt động, tham gia hiệu quả vào nền kinh tế số. Phát huy vai trò của tổ công nghệ số cộng đồng, hướng dẫn người dân thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến toàn trình. Từng bước hình thành hệ sinh thái số của tỉnh, khai thác hiệu quả dữ liệu và tài nguyên số phục vụ quản trị, điều hành, nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

3.6. Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển

Cụ thể hóa và tập trung thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Rà soát, hoàn thiện và triển khai đồng bộ chiến lược, chương trình, đề án, kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn 2045; ưu tiên bố trí và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư công, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực cho phát triển giáo dục.

Hiện đại hóa hệ thống cơ sở giáo dục và đào tạo; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, vươn tầm khu vực và quốc tế; phát triển hệ thống giáo dục thông minh, trường trọng điểm chất lượng cao, trường tiên tiến, song ngữ, trường học số, từng bước hình thành đô thị giáo dục thông minh “kết nối - khám phá - khai phóng”. Xây dựng cơ chế đặc thù, thu hút nhà giáo, chuyên gia, nhà khoa học có uy tín trong nước và quốc tế đến làm việc, giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục của tỉnh. Phấn đấu đưa

Trường Đại học Vinh trở thành đại học vùng, là trung tâm đào tạo, nghiên cứu uy tín của khu vực và thế giới.

Đổi mới chương trình và phương pháp dạy học theo hướng hiện đại, hội nhập, bảo đảm "học đi đôi với hành", "lý thuyết gắn với thực tiễn", "nhà trường gắn liền với xã hội"; chú trọng phát triển chương trình giáo dục địa phương; tăng cường giáo dục toàn diện, đức, trí, thể, mỹ, hình thành hệ giá trị con người Nghệ An trong kỷ nguyên phát triển mới.

Sắp xếp lại cơ sở giáo dục nghề nghiệp bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, đạt chuẩn; đổi mới mạnh mẽ chương trình, phương thức đào tạo bảo đảm hiệu quả, thực chất theo tiêu chuẩn quốc tế. Ưu tiên đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong các ngành nghề kỹ thuật, công nghệ mới nổi. Thúc đẩy liên kết nhà trường với doanh nghiệp, tăng cường đào tạo tại doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

Tùng bước hiện đại hóa giáo dục đại học, tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao, dẫn dắt nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; xây dựng trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo trong các trường đại học; khuyến khích liên kết với các cơ sở giáo dục uy tín trong và ngoài nước, nâng cao hiệu quả đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong giáo dục và đào tạo; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong quản trị, dạy học, kiểm tra, đánh giá; tiên phong đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong các cơ sở giáo dục. Khuyến khích cán bộ, đảng viên, Nhân dân tự học, hình thành văn hóa học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập.

3.7. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội, đời sống Nhân dân và bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội

a) Phát triển toàn diện văn hóa và con người Nghệ An, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc, trở thành sức mạnh nội sinh cho phát triển

Tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa, con người Nghệ An toàn diện, đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới; phát huy mạnh mẽ bản sắc văn hóa xứ Nghệ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh. Xây dựng, lan tỏa sâu rộng không gian văn hóa Hồ Chí Minh trở thành nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và động lực phát triển bền vững.

Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể; thúc đẩy sáng tạo văn hóa, kết nối văn hóa với công nghệ số. Phát triển công nghiệp văn hóa, thị trường văn hóa; đưa văn hóa trở thành sức mạnh mềm, nguồn lực phát triển và gia tăng lợi thế cạnh tranh. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong gia đình, nhà trường, cộng đồng và không gian công vụ; chú trọng phát triển văn hóa chính trị, văn hóa công sở, văn hóa kinh doanh và đạo đức doanh nhân. Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, phát triển văn hóa đọc và học tập suốt đời.

Tăng cường giao lưu, hợp tác văn hóa; thu hút tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch mang tầm khu vực, quốc gia và quốc tế. Phát triển các sản phẩm văn hóa, du lịch đặc trưng; nâng cao hiệu quả các hoạt động văn hóa tiêu biểu như Lễ hội Làng Sen, Liên hoan Dân ca Ví - Giặm Nghệ Tĩnh. Nâng cao chất lượng biểu diễn nghệ thuật phục vụ Nhân dân, gắn với phát triển thị trường và du lịch văn hóa.

Chăm lo đội ngũ văn nghệ sỹ, nghệ nhân và những người làm công tác văn hóa; có chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển các bộ môn nghệ thuật truyền thống, khuyến khích sáng tác, trưng bày, quảng bá tác phẩm có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao. Triển khai hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035. Tiếp tục đầu tư tôn tạo và phát huy giá trị các di sản, đặc biệt là Khu di tích quốc gia đặc biệt Kim Liên; bảo tồn hệ thống di tích lịch sử, di sản văn hóa phi vật thể. Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao; phát triển thư viện thông minh, bảo tàng số.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức, phương thức tuyên truyền trên nền tảng số; nâng cao chất lượng báo chí, xuất bản, truyền thông và quản lý mạng xã hội. Đẩy mạnh truyền thông tích cực, xây dựng chuẩn mực văn hóa, đạo đức, lối sống; đấu tranh với các biểu hiện lệch chuẩn, phản văn hóa và các hành vi vi phạm đạo đức xã hội.

Tập trung phát triển đồng bộ hạ tầng văn hóa, thể thao, thu hút đầu tư xây dựng Khu liên hợp thể thao đạt chuẩn quốc gia, quốc tế; quan tâm đầu tư thiết chế văn hóa cơ sở, thể thao phong trào và thành tích cao. Đẩy mạnh xã hội hóa, ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý và khai thác hiệu quả thiết chế. Phấn đấu xây dựng Nghệ An trở thành trung tâm phụ trợ huấn luyện thể thao thành tích cao của quốc gia.

b) Phát triển hệ thống y tế hiện đại, công bằng, bền vững; tạo đột phá trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân

Cụ thể hóa và thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị, phát triển hệ thống y tế hiện đại, công bằng, bền vững; tạo đột phá trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Hoàn thiện quy hoạch và tổ chức hệ thống y tế đồng bộ, tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, bảo đảm liên thông từ tuyến tỉnh đến tuyến xã. Ưu tiên đầu tư hạ tầng, trang thiết bị và nguồn lực cho y tế cơ sở, nhất là miền núi, khu vực khó khăn; nâng cấp, nâng hạng bệnh viện tuyến tỉnh và các cơ sở khám chữa bệnh. Cùng cố năng lực y tế dự phòng, nâng cao khả năng giám sát, cảnh báo sớm và ứng phó kịp thời với dịch bệnh, thảm họa. Phát triển mô hình y học gia đình, tăng cường kết hợp quân - dân y, y tế công an.

Bảo đảm khả năng tiếp cận dịch vụ y tế chất lượng, hướng tới bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân, thực hiện tốt chính sách miễn viện phí theo lộ trình và khám sức khỏe định kỳ cho Nhân dân. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ,

chuyển đổi số, xây dựng hệ thống y tế thông minh, nâng cao hiệu quả quản lý sức khỏe và khám chữa bệnh.

Phát triển nguồn nhân lực y tế đồng bộ về số lượng, chất lượng và cơ cấu; có cơ chế, chính sách đặc thù trong đào tạo, sử dụng, đãi ngộ nhân lực y tế, nhất là cho y tế cơ sở, y tế dự phòng và vùng khó khăn. Gắn đào tạo chuyên môn với nâng cao y đức, tinh thần phục vụ Nhân dân; đẩy mạnh chuyển giao kỹ thuật từ tuyến trên xuống tuyến dưới.

Đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa dịch vụ y tế; phát triển y tế tư nhân, trung tâm chuyên sâu, cơ sở phục hồi chức năng, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật; kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền. Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm, hành nghề y, dược; gắn nâng cao chất lượng dân số với phát triển thể chất, trí tuệ, tầm vóc và tuổi thọ người dân. Thực hiện hiệu quả chính sách bảo trợ xã hội, chăm sóc trẻ em, người cao tuổi; tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh; huy động toàn xã hội tham gia phòng, chống tệ nạn, nâng cao sức khỏe Nhân dân.

c) Nâng cao hiệu quả công tác lao động, việc làm và bảo đảm an sinh xã hội, góp phần ổn định và phát triển xã hội bền vững

Phát triển đồng bộ, hiệu quả thị trường lao động của tỉnh; đẩy mạnh kết nối cung - cầu lao động giữa các cơ sở đào tạo, trung tâm dịch vụ việc làm với doanh nghiệp. Tổ chức giao dịch việc làm trực tuyến, lưu động tại các địa phương có tỷ lệ lao động đi làm xa cao. Tăng cường đào tạo nghề gắn với thị trường, chú trọng đào tạo chuyển đổi nghề cho lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số, phụ nữ và nhóm yếu thế. Hình thành, cập nhật và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu lao động toàn tỉnh, kết nối đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Đẩy mạnh tuyên truyền, hỗ trợ phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, đặc biệt trong khu vực phi chính thức. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ tại các doanh nghiệp, kịp thời giải quyết tranh chấp lao động, đình công.

Tập trung giảm nghèo bền vững, bao trùm, hạn chế tái nghèo, nhất là tại các xã vùng đặc biệt khó khăn. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Đa dạng hóa sinh kế, hỗ trợ sản xuất, khơi dậy ý chí vươn lên, tự lực thoát nghèo trong đồng bào.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với người có công, người hưởng trợ cấp xã hội, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, người cao tuổi, bảo đảm “không ai bị bỏ lại phía sau”. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng dịch vụ bảo trợ xã hội, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, phục hồi chức năng. Đẩy mạnh công tác bình đẳng giới, nâng cao vai trò, vị thế phụ

nữ trong gia đình, xã hội; bảo vệ quyền trẻ em; thúc đẩy tiến bộ xã hội gắn với phát triển con người toàn diện.

d) Quan tâm, chú trọng thực hiện và nâng cao hiệu quả công tác dân tộc, tôn giáo

Tiếp tục triển khai kịp thời, hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo và tín ngưỡng. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Vận động đồng bào nâng cao ý thức tự lực, chủ động vươn lên phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, làm giàu cho gia đình và xã hội; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá tốt đẹp; bảo đảm quốc phòng, an ninh, khối đại đoàn kết. Chăm lo xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số.

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý gắn với nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật trong các hoạt động liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân. Chăm lo phát triển kinh tế - xã hội, phát triển hạ tầng, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần vùng đồng bào có đạo. Chủ động rà soát và xử lý kịp thời các kiến nghị hợp pháp, chính đáng liên quan đến hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, lợi dụng hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc và chống phá công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

3.8. Quản lý, khai thác hiệu quả tài nguyên; bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai

Nâng cao chất lượng lập, tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung rà soát, quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả các loại tài nguyên, nhất là đất đai, khoáng sản, nước và rừng. Kiên quyết xử lý dứt điểm các dự án sử dụng đất chậm tiến độ, lãng phí; khắc phục tình trạng sử dụng đất kém hiệu quả tại các nông, lâm trường và tổng đội thanh niên xung phong. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, “không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế” khi xem xét, quyết định các chương trình, dự án đầu tư.

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và ứng dụng công nghệ trong quản lý tài nguyên, nhất là đất đai, khoáng sản; công khai, minh bạch trong cấp phép, khai thác, sử dụng tài nguyên. Bảo đảm khai thác đi đôi với bảo vệ, phục hồi và tái tạo tài nguyên. Tập trung quản lý, bảo vệ, phát triển rừng bền vững, nhất là rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn và các khu vực nhạy cảm sinh thái, như Vườn quốc gia Pù Mát, Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huống, Pù Hoạt; thực hiện hiệu quả chính sách giao đất, giao rừng gắn với sinh kế bền vững cho người dân.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ môi trường, cải thiện chất lượng không khí, nước và đất. Tập trung xử lý dứt điểm các cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; kiểm soát ô nhiễm tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp,

làng nghề truyền thống. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm về tài nguyên và môi trường, nhất là các vi phạm khai thác khoáng sản, xả thải gây ô nhiễm môi trường.

Thúc đẩy xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường; tuyên truyền, nâng cao ý thức người dân, doanh nghiệp trong phân loại, thu gom, xử lý rác thải. Thu hút đầu tư các nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải rắn bằng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường. Huy động nguồn lực đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các đô thị, khu công nghiệp, cơ sở y tế; giải quyết căn bản tình trạng ngập úng cục bộ tại các đô thị và một số vùng trũng thấp. Đảm bảo tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 100%; nâng cao tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn.

Chủ động triển khai các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Xây dựng hệ thống dự báo, cảnh báo sớm; đầu tư hạ tầng phòng, chống lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, nhất là khu vực miền núi cao, bờ sông, bờ biển. Phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; tham gia hiệu quả vào thị trường tín chỉ carbon và thực hiện các cam kết giảm phát thải, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 theo cam kết quốc gia.

3.9. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hoạt động của chính quyền các cấp theo hướng kiến tạo, phục vụ, liêm chính và hành động, chuyển từ mô hình quản lý hành chính truyền thống sang quản trị địa phương hiện đại, minh bạch, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý, gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, bảo đảm thống nhất quản lý và nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền cấp xã.

Thực hiện cải cách hành chính toàn diện, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, hiện đại hóa nền hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm công khai, minh bạch, thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước; tăng cường chia sẻ, kết nối dữ liệu giữa các ngành, các cấp; thực hiện quản lý, điều hành dựa trên dữ liệu và bằng công cụ số.

Đổi mới phương thức quản lý nhà nước theo hướng quản lý bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch và chính sách, hạn chế can thiệp hành chính trực tiếp. Tăng cường năng lực dự báo, tham mưu, hoạch định chính sách; chú trọng công tác theo dõi, đánh giá hiệu quả thực thi chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các ngành, các cấp; khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp trong quản lý nhà nước.

Nâng cao năng lực, trách nhiệm và tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ chủ chốt các cấp. Thực hiện hiệu quả các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng quản trị hiện đại, quản lý công, kinh tế số, chuyển đổi xanh, đô thị thông minh, phục vụ yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Quan tâm đào tạo cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số; khuyến khích đổi mới sáng tạo, tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định và cơ chế quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo hướng công khai, minh bạch, thực chất; đổi mới công tác tuyển dụng, đánh giá, sử dụng, bổ nhiệm, đãi ngộ, khen thưởng và kỷ luật cán bộ. Xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống vị trí việc làm, cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức thống nhất, đồng bộ phục vụ công tác quy hoạch và quản lý nhân sự. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ, xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp; kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực, lợi ích nhóm, vi phạm đạo đức công vụ. Xây dựng văn hóa công vụ gắn với tinh thần phục vụ Nhân dân, kỷ luật, kỷ cương, hiệu quả.

Tăng cường công tác nội chính, cải cách tư pháp và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Nâng cao năng lực, phẩm chất của đội ngũ cán bộ trong các cơ quan tư pháp, điều tra, thanh tra, kiểm toán, thi hành án; chú trọng rèn luyện bản lĩnh, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần liêm chính, thượng tôn pháp luật. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa, phát hiện, xử lý vi phạm; chú trọng thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí.

Phấn đấu đến năm 2030, Nghệ An thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về các chỉ số: năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), cải cách hành chính (PAR INDEX), chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), và nằm trong nhóm 15 tỉnh dẫn đầu về hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI); xây dựng chính quyền địa phương thật sự trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phục vụ Nhân dân và kiến tạo phát triển bền vững.

3.10. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh

Quán triệt, triển khai kịp thời, hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, gắn với xây dựng thế trận lòng dân vững chắc. Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, của mỗi cán bộ, đảng viên và từng người dân đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp của cả hệ

thống chính trị và toàn dân trong công tác bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn để phát triển. Tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh, xây dựng lực lượng vũ trang tinh thật sự trong sạch, vững mạnh toàn diện, cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và hiện đại. Bố trí lại thể trận trong khu vực phòng thủ phù hợp với đơn vị hành chính 02 cấp. Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình phòng thủ, công trình chiến đấu trong khu vực phòng thủ; xây dựng trụ sở, doanh trại hiện đại phù hợp với quy mô, tính chất của từng lực lượng; không ngừng nâng cao chất lượng, trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu; tổ chức các cuộc diễn tập an toàn, hiệu quả; tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm đạt 100% chỉ tiêu được giao. Tăng cường đầu tư trang thiết bị, đáp ứng yêu cầu thực hiện tốt nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại. Chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo sát, đúng tình hình, xử lý kịp thời các tình huống về quốc phòng, an ninh, các vấn đề trật tự, an toàn xã hội không để bị động, bất ngờ. Bảo đảm an ninh chính trị, giữ vững an ninh biên giới và vùng đặc thù. Thực hiện tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh thông tin, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước; ứng phó kịp thời, hiệu quả với các vấn đề an ninh phi truyền thống. Thực hiện tốt công tác phòng ngừa, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội; tập trung làm sạch ma túy tại địa bàn cấp xã; kìm giữ và giảm tội phạm, tai nạn giao thông, cháy nổ. Giải quyết kịp thời, hiệu quả các vấn đề nảy sinh phức tạp ngay từ cơ sở, không để phát sinh "điểm nóng".

3.11. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế toàn diện và thúc đẩy liên kết phát triển vùng

Đổi mới tư duy, phương thức triển khai công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, thực chất và hiệu quả theo định hướng tại Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị. Triển khai đồng bộ ba trụ cột: Đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân; thực hiện hiệu quả chiến lược hội nhập quốc tế toàn diện, lấy hội nhập kinh tế làm trung tâm, hội nhập các lĩnh vực khác làm nền tảng.

Triển khai hiệu quả Đề án hợp tác toàn diện giữa tỉnh Nghệ An và các tỉnh của nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào giai đoạn 2025 - 2030 và những năm tiếp theo. Chủ động mở rộng hợp tác với các đối tác chiến lược, nhất là các quốc gia, vùng lãnh thổ có tiềm lực về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và năng lực hợp tác phát triển. Tận dụng các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới để thúc đẩy xuất khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực ưu tiên của tỉnh và đưa sản phẩm, dịch vụ, nhân lực của Nghệ An tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

Đẩy mạnh quảng bá hình ảnh Nghệ An - Quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh, vùng đất di sản - hội nhập - phát triển. Đổi mới mạnh mẽ công tác thông tin đối ngoại dựa trên nền tảng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, góp phần thúc đẩy hợp tác trên các lĩnh vực. Xây dựng cơ chế thu hút và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức, doanh nhân kiều bào đầu tư, chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; hình thành mạng lưới chuyên gia người Nghệ An toàn cầu nhằm huy động chất xám, trí tuệ, kinh nghiệm kết nối nguồn lực quốc tế phục vụ phát triển tỉnh nhà.

Chủ động phối hợp chặt chẽ với các ban, bộ, ngành, nhất là Bộ Ngoại giao, các cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước ngoài, các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam để triển khai hiệu quả công tác đối ngoại. Mở rộng hợp tác với các tỉnh, thành phố trong nước, tiếp tục triển khai các hoạt động hợp tác chuyên sâu với tỉnh Thanh Hóa và tỉnh Hà Tĩnh để thực hiện các quy hoạch phát triển liên vùng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 là nhiệm vụ của Nhân dân toàn tỉnh, các cơ quan Nhà nước, các cấp, các ngành, Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên. Ủy ban nhân dân tỉnh và chính quyền cấp xã nâng cao hơn nữa hiệu lực chỉ đạo, điều hành, đổi mới và cải tiến phương pháp tổ chức, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh đã đề ra. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030, nếu có những biến động cần điều chỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nêu cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm của các cơ quan và đại biểu dân cử trong việc giám sát, thực hiện các Nghị Quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên, động viên các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh phát huy vai trò làm chủ, nêu cao tinh thần yêu nước, tích cực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch đề ra, tham gia giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ công chức Nhà nước.

4. Hội đồng nhân dân tỉnh kêu gọi đồng bào, cán bộ, chiến sĩ tỉnh nhà phát huy tính năng động, sáng tạo, gương mẫu, cần kiệm trong lao động sản xuất, trong cuộc sống, đóng góp sức người, sức của, góp phần đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch đề hoàn thành mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khóa XVIII, Kỳ họp thứ 35 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua. *ht*

Nơi nhận: *ht*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (đề b/c);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND, UBND tỉnh,
- Cơ quan UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh,
- Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT *ht*



Hoàng Nghĩa Hiếu